



Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
website: sj.ctu.edu.vn



ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THAM GIA ĐÀO TẠO NGHỀ CỦA LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Phạm Đức Thuần¹ và Dương Ngọc Thành²

¹ Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

² Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 24/04/2015

Ngày chấp nhận: 29/10/2015

Title:

Evaluation of factors affecting participation into vocational training of rural labors in Can Tho city

Từ khóa:

Yếu tố ảnh hưởng, tham gia, đào tạo nghề, lao động nông thôn

Keywords:

Affecting factor, participation, rural labor, vocational training

ABSTRACT

Vocational training for rural labors have been concerned and implemented by leaders at all levels and in Can Tho city in particular. This is the basic social policy addressing employment and effective use of human resources aimed to social stability and economic development of the localities. In Can Tho city, however, young employees (age of 15-29) working mainly in industrial sector and older labors (aged of 40 and over) working largely in agricultural sector have not yet meet the requirements on education, job qualifications and skills. Data from direct interviews of 480 rural households in the districts of Vinh Thanh, Thoi Lai, Co Do and Phong Dien were analyzed using descriptive statistical tools, binary Logistic model to evaluate the factors affecting the participation in vocational training of rural labors in Can Tho city. The results showed that several factors (including education level, profit and ability to respond to non-agricultural jobs of employees) have a direct impact on participation in rural vocational training and employment for rural labors.

TÓM TẮT

Việc tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã và đang được lãnh đạo các cấp nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng quan tâm và triển khai, đây là chính sách xã hội cơ bản nhằm ổn định xã hội và phát triển kinh tế của địa phương trong việc giải quyết việc làm và sử dụng nguồn nhân lực của thành phố có hiệu quả. Tuy nhiên, lao động của thành phố Cần Thơ phần lớn là lao động trẻ (từ 15-29 tuổi) làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và những lao động từ 40 tuổi trở lên phần lớn làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chưa đáp ứng các yêu cầu về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp các nông hộ với số mẫu điều tra là 480 người lao động tại các huyện Vĩnh Thạnh, Thới Lai, Cờ Đỏ và Phong Điền. Số liệu được phân tích bằng các công cụ thống kê mô tả, mô hình Binary Logistic để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo nghề của lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy một số yếu tố (Trình độ học vấn, Lợi nhuận và Khả năng đáp ứng nghề phi nông nghiệp của người lao động) có tác động trực tiếp đến việc tham gia đào tạo nghề nông thôn và tìm việc làm cho lao động nông thôn có hiệu quả.

1 GIỚI THIỆU

Thành phố Cần Thơ, một thành phố trung tâm của Đồng bằng sông Cửu Long, với dân số năm 2014 khoảng 1.243.000 người, trong đó lực lượng lao động nông thôn 15 tuổi trở lên khoảng 415.666

người (Cục Thống kê thành phố Cần Thơ, 2014). Hiện nay, thành phố Cần Thơ đang trong quá trình đô thị hóa, đang ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực nông thôn, một trong những tác động đó là chuyển dịch sản xuất nông nghiệp và lực lượng lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, hoặc lao động

trong nông nghiệp cũng đòi hỏi áp dụng kỹ thuật tiên tiến để tăng thêm thu nhập trong hộ gia đình. Vì vậy, việc tham gia đào tạo nghề của lao động nông thôn nhằm nâng cao tay nghề, thích ứng với nhu cầu của thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Đến năm 2014, mạng lưới cơ sở dạy nghề trên địa bàn của thành phố Cần Thơ có khoảng 70 cơ sở dạy nghề, gồm: 05 trường Cao đẳng nghề, 04 trường Trung cấp nghề, 18 Trung tâm dạy nghề và 43 cơ sở khác có tham gia dạy nghề; trong đó, có 37 đơn vị tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn (19 cơ sở dạy nghề công lập và 18 cơ sở dạy nghề ngoài công lập), đa số là doanh nghiệp tham gia dạy nghề, đều đáp ứng tốt về trang thiết bị để dạy nghề cho lao động nông thôn tại cơ sở dạy nghề cũng như dạy nghề tại các xã, phường hay khu vực, ấp¹.

Trong thời gian qua thành phố Cần Thơ đã triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thành phố đã triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, với việc xây dựng các mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động sau học nghề. Đã có nhiều cách làm hay, hiệu quả được rút ra và tiếp tục nghiên cứu để nhân rộng, chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề ngày càng được nâng lên.

Tuy nhiên, tiến trình phát triển kinh tế - xã hội cũng nảy sinh nhiều bất cập như: sự chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị, một số hộ nông dân ra thành thị để tìm việc làm, nhưng do trình độ học vấn thấp và không có tay nghề nên tìm việc làm khó khăn và thu nhập thấp. Bên cạnh đó, tình trạng mất cân đối trong cơ cấu ngành nghề đào tạo giữa các xã/phường, quận/huyện của thành phố còn chậm được khắc phục, chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực của xã hội, mối quan hệ cơ sở đào tạo và doanh nghiệp còn lỏng lẻo. Do đó, đề tài "*Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo nghề của lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ*" được thực hiện là rất cần thiết.

Đề tài thực hiện nhằm đạt 3 mục tiêu: (i) Đánh giá thực trạng người lao động nông thôn tham gia đào tạo nghề trong thời gian qua trên địa bàn thành phố Cần Thơ; (ii) Phân tích một số yếu tố hường

đến việc tham gia đào tạo nghề của lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ; (iii) Đề xuất một số giải pháp trong công tác đào tạo nghề khi người lao động nông thôn tham gia đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp chọn vùng nghiên cứu

Thành phố Cần Thơ gồm 05 quận và 04 huyện (Thới Lai, Cờ Đỏ, Phong Điền, Vĩnh Thạnh), phần lớn số lao động của 04 huyện tập trung ở độ tuổi từ 41-50 chiếm 27,50%, độ tuổi từ 51-60 chiếm 25,21% và ở độ tuổi từ 15-30 chiếm 6,88% (số liệu khảo sát điều tra 2014 của tác giả), dân số của 04 huyện trên chiếm 37,9% dân số của toàn thành phố (Niên giám thống kê 2013), lực lượng lao động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp. Vì vậy, đây là cơ sở lựa chọn 04 huyện trên để nghiên cứu về lao động, đào tạo và việc làm nông thôn.

2.2 Phương pháp thu thập thông tin

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn thông tin của Cục Thống kê thành phố Cần Thơ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các báo cáo của các cơ quan, ban, ngành liên quan, niên giám thống kê, các nghiên cứu, bài báo và bài viết có liên quan đến lao động việc làm.

Số liệu sơ cấp được thực hiện qua cách tiếp cận các phương pháp và công cụ đánh giá có sự tham gia của cộng đồng, phỏng vấn trực tiếp người lao động nông thôn của các huyện để đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng việc tham gia đào tạo nghề để tìm việc làm của lao động nông thôn tại thành phố Cần Thơ. Mẫu điều tra được chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có chủ đích, khảo sát trực tiếp người lao động có tham gia hoặc không tham gia đào tạo nghề. Dựa vào tình hình thực tế về số lượng các hộ sinh sống trên các xã và yêu cầu về số lượng mẫu cần được phỏng vấn phân bố trên 4 huyện với tổng số 480 mẫu phỏng vấn, trong đó số lao động tham gia đào tạo là 299 mẫu và số lao động không tham gia đào tạo nghề là 181 mẫu.

2.3 Phương pháp phân tích

Đối với mục tiêu 1: Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp này được sử dụng nhằm mô tả thực trạng về công tác đào tạo nghề, việc làm và thu nhập của lao động nông thôn.

Đối với mục tiêu 2: Sử dụng mô hình Binary Logistic để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia học nghề của lao động nông thôn.

¹ Dự thảo Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn (2010-2014) và phương hướng thực hiện giai đoạn 2016-2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TPCT

Đối với mục tiêu 3: Trên cơ sở kết quả phân tích từ kết quả của mục tiêu 1 và 2 nêu trên để tìm nguyên nhân và tồn tại làm căn cứ đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Dân số và Lao động của thành phố Cần Thơ

3.1.1 Về Dân số

Dân số thành thị tăng nhanh là do thành phố

Cần Thơ trở thành thành phố loại I, thành phố trực thuộc Trung ương và một số huyện trở thành quận. Thêm vào đó, dưới tác động của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa mạnh mẽ như hiện nay đã thu hút lao động từ nông thôn dịch chuyển ra thành thị để tìm kiếm việc làm. Trong những năm gần đây, dân số thành thị của thành phố Cần Thơ có xu hướng tăng nhanh, bình quân là 0,9%/năm trong giai đoạn 2004-2013. Đồng thời, dân số nông thôn tương đối ít (Bảng 1).

Bảng 1: Dân số của thành phố Cần Thơ (người)

Quận/huyện	Năm 2011		2012		2013		2014	
	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị
Phong Điền	89.198	10.828	89.703	10.938	90.128	10.992	90.542	11.063
Thới Lai	111.517	10.735	111.983	10.832	112.610	10.895	11.2923	10.995
Cờ Đỏ	111.718	13.071	112.235	13.132	112.845	13.224	11.2987	13.321
Vĩnh Thạnh	96.900	17.458	97.032	18.298	97.720	18.390	97.931	18.675
Thành phố Cần Thơ	409.333	799.859	410.953	809.207	413.303	818.957	424.000	819.000

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Cần Thơ, năm 2014

3.1.2 Về Lao động

Theo kết quả của cuộc khảo sát hàng năm (từ 2011 đến 2014) của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Cần Thơ, thì có khoảng 30.670 lao động thuộc các nhóm đối tượng lao động nông thôn có nhu cầu học nghề, với 252 nghề, đa số là các nghề đào tạo sơ cấp và thường xuyên dưới 3 tháng và gắn với việc làm thực tế tại địa phương. Từ năm 2011 đến nay, mỗi năm điều tra xác suất khoảng 20.250 lao động trên toàn địa bàn thành phố. Qua tổng hợp, thống kê đề nghị nhu cầu học nghề của các quận, huyện, mỗi năm đào tạo bình quân trên 4.800 lao động.

Thành phố thực hiện tốt lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các giải pháp tạo nhiều việc làm mới, khuyến khích phát triển sản xuất tạo việc làm và tự tạo việc làm. Sắp xếp, đổi mới và thực hiện xã hội hóa phát triển mạng lưới dạy nghề, phát triển mạng thông tin thị trường lao động, mở rộng sản giao dịch việc làm, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động theo yêu cầu.

Chủ yếu trình độ học vấn của người lao động nông thôn là cấp 1 (70,83%) so với trình độ đại học chỉ chiếm 2,29%, rất ít lao động có trình độ trung cấp và cao đẳng. Khu vực thành thị có trình độ học vấn cao hơn và tỷ lệ người lao động ở các bậc học cao hơn chiếm nhiều hơn so với khu vực nông thôn (Bảng 2).

Bảng 2: Trình độ học vấn của lao động trong độ tuổi lao động (%)

Trình độ vấn chuyên môn	Nông thôn ^(*)		Thành Thị ^(**)	
	Quan sát	Tỷ lệ	Quan sát	Tỷ lệ
Không học	11	2,29	6	5,00
Cấp 1	340	70,83	45	37,50
Cấp 2	70	14,58	39	32,50
Cấp 3	36	7,50	20	16,67
Trung cấp nghề	3	0,63	3	2,50
Cao đẳng	4	0,83	0	0,00
Đại học	11	2,29	5	4,17
Không trả lời	5	1,04	2	1,67
Tổng	480	100,00	120	100,00

Nguồn: ^(*) Tổng hợp từ kết quả điều tra 480 hộ tại địa bàn nông thôn TPCT, 2014; ^(**) Tổng hợp từ kết quả điều tra 120 hộ tại địa bàn thành thị TPCT, 2014

3.2 Hiện trạng về công tác đào tạo nghề, việc làm và thu nhập của lao động nông thôn²

Về quy mô đào tạo (giai đoạn 2010-2014): Có khoảng 23.750 lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề, trong đó (8.000 người học nghề nông nghiệp; 15.750 người học nghề phi nông nghiệp), trong đó, đặt hàng dạy nghề khoảng 2.000 người thuộc diện

² Dự thảo Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn (2010-2014) và phương hướng thực hiện giai đoạn 2016-2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TPCT

hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế. Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề trong giai đoạn này tối thiểu đạt 75%. Tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học nghề thuộc các đối tượng là gia đình chính sách, hộ nghèo, dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ bị thu hồi đất tăng hơn các năm trước cho thấy các chính sách về đào tạo nghề lao động nông thôn đã được tuyên truyền sâu rộng đến các xã/phường, đến hầu hết các đối tượng được ưu tiên trong đào tạo nghề góp phần giúp các nhóm đối tượng này thoát nghèo cải thiện cuộc sống.

Về phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề (giai đoạn 2010-2014): Mạng lưới cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố hiện có 70 cơ sở dạy nghề, gồm: 02 trường cao đẳng nghề, 03 phân hiệu trường cao đẳng nghề, 04 trường trung cấp nghề, 18 trung tâm dạy nghề và 07 cơ sở giáo dục có dạy nghề (01 trường đại học, 02 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp chuyên nghiệp), 36 cơ sở khác có tham gia dạy nghề (01 trung tâm giáo dục thường xuyên - Kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp, 02 trung tâm giới thiệu việc làm, 03 trung tâm khác và 28 doanh nghiệp).

Về đội ngũ giáo viên dạy nghề (giai đoạn 2010-2014): Đội ngũ giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Cần Thơ năm 2014 là 205 giáo viên, trong đó giáo viên cơ hữu là 81 người; giáo viên thỉnh giảng là 124 người. Số giáo viên dạy trực tiếp các môn nghề là 78 người, chiếm tỷ lệ 38,05%, số giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành là 62 người. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, số giáo viên dạy nghề có trình độ sau đại học là 15 người (chiếm tỷ lệ 7,31%), có trình độ đại học, cao đẳng là 143 người (chiếm tỷ

lệ 69,75%), có trình độ khác là 47 người (chiếm tỷ lệ 22,93%).

Về chất lượng và hiệu quả dạy nghề (giai đoạn 2010-2014): Theo số liệu khảo sát điều tra 480 hộ tại thành phố Cần Thơ năm 2014 cho thấy có 62,29% lao động nông thôn được đào tạo nghề, khu vực thành thị là 29,16%. Hiệu quả của các chương trình đào tạo nghề tại địa phương ở khu vực nông thôn, có 32,34% người lao động cho rằng không hiệu quả, 15,51% không biết, 13,20% hiệu quả tương đối, 30,03% có hiệu quả và 8,91% là rất hiệu quả. Nguyên nhân đào tạo nghề có hiệu quả là do ra nghề có thể sử dụng được (10,83%), xin được việc làm (8,13%), tận dụng được thời gian nhàn rỗi (5,63%),... số người không biết là 69,79%.

Nhóm nghề đào tạo: (i) Nhóm nghề nông nghiệp: Gồm nghề trồng trọt (trồng hoa kiểng, trồng lúa, rau, màu); chăn nuôi (nuôi lợn, gà vịt, trâu, bò và dê); Nuôi trồng thủy sản (nuôi cá, nuôi ếch, lươn, rắn);... (ii) Nhóm nghề phi nông nghiệp (35 nghề): Hàn, điện dân dụng, may công nghiệp, may gia dụng, sửa chữa máy tính, sửa xe gắn máy, sửa điện thoại di động, tin học, sửa máy nò, sửa điện tử, nề (xây dựng), lái xe hạng B2, đan đất, chăm sóc, kết cườm, trang điểm, chăm sóc da, làm móng tay, cắt uốn tóc, nấu ăn;

Truyền thông việc làm qua các kênh, phần lớn trong nhóm có tham gia có tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, chủ yếu từ: tờ rơi, chính quyền địa phương và bỏ con hàng xóm; trong khi nhóm không tham gia thì không hoặc ít được tiếp cận hay không biết thông tin từ các nguồn thông tin tại địa phương.

Bảng 3: Các kênh thông tin, truyền thông về việc làm (%)

Truyền thông về việc làm qua các kênh	Có tham gia (n=299)			Không tham gia (n=181)		
	Có	Không	Không biết	Có	Không	Không biết
Thông tin đại chúng	54,3	42,4	3,3	20,0	75,5	4,5
Chính quyền địa phương	73,2	23,1	3,7	28,5	53,1	18,4
Truyền thông gia đình	28,3	42,7	29,0	7,6	29,7	62,7
Bà con, hàng xóm	69,4	30,1	0,5	43,2	15,2	41,6
Tờ rơi	76,3	23,3	0,4	5,4	35,2	59,4
Nơi đào tạo	26,3	68,9	4,8	3,2	85,4	11,4

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra 480 hộ tại TPCT, 2014

3.3 Hiện trạng về việc làm³

Thành phố Cần Thơ có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và liên tục nhiều năm liền năm sau cao hơn năm trước. Tốc độ tăng trưởng GDP (theo giá

so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2004-2013 đạt 14,5%/năm; Cơ sở hạ tầng nông thôn ngày càng phát triển; Hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn được đầu tư, nâng cấp, mở rộng bằng nhiều hình thức hợp tác, liên kết; đã tăng dân quy mô, mở rộng ngành nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, thực hiện xã hội

³ Báo cáo Thành tựu 10 năm TPCT trực thuộc Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư (tháng 01/2014)

hóa phát triển mạng lưới dạy nghề, phát triển mạng thông tin thị trường lao động, mở rộng sàn giao dịch việc làm, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động theo yêu cầu.

Giai đoạn 2004-2013, đã giải quyết việc làm cho hơn 433.000 lao động, tăng bình quân 7,2% (năm 2013 đã giải quyết việc làm cho 50.898 lao động), nâng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề vào năm 2013 đạt 48,89% (năm 2004 đạt 20,5%). Mặt khác, qua học nghề đã giúp nông dân tiếp cận với các ngành nghề mới, thêm cơ hội có việc làm, tạo điều kiện cho nhiều hộ vươn lên thoát nghèo bền vững. Đến nay có 582 hộ nghèo có người tham gia học nghề đã thoát nghèo; 2.236 hộ có người tham gia học nghề trở thành hộ khá; trên 14.000 lao động nông thôn sau khi học nghề đã chuyển sang làm lĩnh vực phi nông nghiệp.

3.4 Hiện trạng về tỷ lệ thất nghiệp

Số liệu niên giám thống kê thành phố Cần Thơ cho thấy tỷ lệ người dưới 15 tuổi và trên 60 tuổi khá cao chiếm 28,92%; số người không tham gia

lao động trong mỗi hộ gia đình vẫn còn khá cao. Đối với lao động trong tuổi lao động thì phần lớn là từ 15-30 tuổi chiếm tỷ lệ 26,28%. Số lao động có việc làm là 58,17%, còn lại là thất nghiệp, đang đi học và các đối tượng khác. Số người trong độ tuổi trẻ có xu hướng tăng, số người từ 15 tuổi trở lên không tham gia hoạt động kinh tế có xu hướng tăng, nguyên nhân không tham gia hoạt động kinh tế của số người này, chủ yếu là nội trợ, đang đi học, số người không tham gia hoạt động kinh tế do ốm đau, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo,...

Thời gian qua, thành phố Cần Thơ đã thực hiện các chính sách cho người lao động có việc làm, nên tỷ lệ thất nghiệp đã dần được giảm. Cùng với các đơn vị có liên quan tháo gỡ những vướng mắc cho các địa phương trong việc triển khai thực hiện giải quyết việc làm; các cơ sở dạy nghề cũng tham gia dạy nghề theo các khóa tập huấn chuyên đề, điều tra nhu cầu học nghề, kỹ năng tổ chức, quản lý, tuyên truyền, tư vấn dạy nghề cho lao động nông thôn.

Bảng 4: Hiện trạng về tỷ lệ thất nghiệp

Năm	Tổng Dân số (người)	Tổng số lao động (người)	Số lao động thất nghiệp (người)	Tỷ lệ thất nghiệp (%)	
				Thành thị	Nông thôn
2010	1.199.767	808.156	28.262	4,84	4,73
2011	1.209.192	815.988	27.819	4,52	4,41
2012	1.220.160	835.765	27.249	3,60	5,05
2013	1.232.260	864.041	24.713	3,28	4,74
2014	1.243.000	871.343	24215	3,22	4,12

Nguồn: Niên giám thống kê TPCT, năm 2014

3.5 Hiện trạng về thu nhập của người lao động nông thôn

Theo kết quả điều tra 480 hộ tại thành phố Cần Thơ (2014), phần lớn người lao động nông thôn làm việc tại nhà (46,46%), kể đến là làm việc tại phường/xã nơi họ đang sinh sống (24,79%), rất ít người làm việc ở quận/huyện khác hoặc tỉnh khác. Có một sự chênh lệch nhỏ về nơi làm việc so với khu vực thành thị, nhưng nó phần nào phản ánh được đặc trưng của khu vực nông thôn, khả năng tách khỏi địa phương mình sinh sống thấp hơn so với khu vực thành thị.

Về thu nhập của hộ gia đình, có 26,04% hộ gia đình có thu nhập trên 70 triệu đồng/năm, 15,21% hộ gia đình có thu nhập từ 51-70 triệu đồng/năm,

24,17% hộ gia đình có thu nhập từ 31-50 triệu đồng/năm, 33,96% hộ gia đình có thu nhập từ 11-30 triệu đồng/năm, còn lại có thu nhập dưới 10 triệu đồng/năm. Khu vực thành thị tỷ lệ hộ gia đình có thu nhập cao nhiều hơn khu vực nông thôn.

Theo đó, các mức thu nhập từ nông nghiệp và phi nông nghiệp của khu vực nông thôn có tỷ lệ tương đương nhau. Tuy nhiên, mức tích lũy mà các hộ gia đình nông thôn có được đa phần ở mức thấp, thậm chí không ít hộ gia đình có mức thu nhập dưới 0 đồng/năm (25,42%), mức từ 0-10 triệu đồng là 32,92%, mức từ 11-30 triệu là 23,96%, rất ít hộ gia đình có mức thu nhập trên 30 triệu đồng/năm. Ở khu vực thành thị tỷ lệ trên 30 triệu đồng/năm cao hơn so với khu vực nông thôn.

Bảng 5: Thu nhập hộ gia đình nông thôn (triệu đồng)

Thu nhập hộ gia đình nông thôn	Từ sản xuất nông nghiệp		Từ phi nông nghiệp	
	Số mẫu	Tỷ lệ %	Số mẫu	Tỷ lệ %
Dưới 10	239	49,79	244	50,83
11 - 30	86	17,92	77	16,04
31 - 50	53	11,04	63	13,13
51 - 70	35	7,29	38	7,92
Trên 70	67	13,96	58	12,08
Tổng	480	100,00	480	100,00

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra 480 hộ tại TPCT, 2014.

Như vậy, theo kết quả khảo sát này, khu vực nông thôn còn thiếu cân đối giữa thu nhập và chi tiêu, trong những gia đình có mức thu nhập thấp hơn chi tiêu là một tỷ lệ không nhỏ, mức thu nhập dưới 10 triệu đồng/năm (tương đương dưới 1 triệu đồng/tháng) của khu vực nông thôn lên đến 58,43%. Kinh tế hộ gia đình cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tìm kiếm việc làm cũng như lựa chọn nghề nghiệp của người lao động. Tuy nhiên, mức thu nhập của các hộ gia đình nông thôn không phụ thuộc vào điều kiện đất đai (yếu tố quan trọng trong sản xuất nông nghiệp).

3.6 Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo nghề của người lao động nông thôn

Đã tiến hành khảo sát hỏi ngẫu nhiên 480 người lao động ở khu vực nông thôn, trong đó có người lao động tham gia đào tạo nghề hoặc không được đào tạo nghề, nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc học nghề của người lao động nông thôn. Qua đó, đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Có nhiều yếu tố tác động đến quyết định của người lao động tham gia đào tạo nghề, dựa vào số liệu điều tra 480 hộ gia đình.

Mô hình Binary Logistic: Hàm Binary Logistic là hàm hồi quy có biến phụ thuộc Y dạng nhị phân để ước lượng xác suất xác định các yếu tố tác động đến việc người lao động tham gia đào tạo nghề.

$$Y_i = \beta_0 + \sum_j^k \beta_j X_{ij} + u_i$$

Y = 1: tham gia đào tạo nghề hoặc Y = 0: không tham gia đào tạo nghề;

Y_i được giải thích bởi các biến X_i;

β₀: hằng số chung

Mô hình lý thuyết tổng quát Binary Logistic có dạng: $Ln\left(\frac{P_i}{1-P_i}\right) = \beta_0 + \beta_i X_i$

Trong đó: $Ln\left(\frac{P_i}{1-P_i}\right)$: Tỉ số log-odds, tỉ số này là một hàm tuyến tính của các biến giải thích X_i.

β₀, β_i: là hệ số hồi quy của mô hình.

X_i là các biến độc lập hay các nhân tố có ảnh hưởng đến việc người lao động tham gia đào tạo nghề:

X₁=Tình trạng việc làm;

X₂=Tuổi;

X₃=Trình độ học vấn;

X₄=Lợi nhuận, tích lũy của hộ;

X₅=Khả năng đáp ứng nghề phi nông nghiệp của người lao động;

X₆=Giới tính;

X₇=Số người trong hộ.

Từ kết quả hồi quy thể hiện ở Bảng 6 với mức ý nghĩa α=0,05 thì biến trình độ học vấn (X₃), Lợi nhuận/tích lũy của hộ (X₄) và khả năng đáp ứng nghề phi nông nghiệp của người lao động (X₅) là các biến có ý nghĩa và có ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo nghề tại địa phương. Cụ thể:

Từ các hệ số hồi quy trên, phương trình được viết như sau:

$$\text{Loge}(P(Y=1)/P(Y=0)) = 0,350 - 0,017X_3 - 0,114X_4 + 0,245X_5$$

Bảng 6: Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo nghề của lao động nông thôn

Biến độc lập	B	Sig.
X ₁ =Tình trạng việc làm	0,304	0,201
X ₂ =Tuổi	-0,016	0,807
X ₃ =Trình độ học vấn	-0,017	0,014
X ₄ =Lợi nhuận/Tích lũy của hộ	-0,114	0,045
X ₅ =Khả năng đáp ứng nghề phi nông nghiệp của người lao động	0,245	0,018
X ₆ =Giới tính	0,197	0,341
X ₇ =Số người trong hộ	-0,002	0,970
Hằng số	0,350	0,473

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra 480 hộ tại TPCT, 2014

Trình độ học vấn (X₃): Có giá trị âm, tác động nghịch đối với việc tham gia học nghề của người lao động. Người lao động có trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật càng cao thì khả năng tham gia chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại địa phương càng thấp. Phần lớn trình độ của người lao động nông thôn là cấp 1 (70,83%), một số ít cấp 2 (14,58%) và cấp 3 (7,50%), trình độ đại học chỉ chiếm 2,29%, rất ít người lao động có trình độ trung cấp và cao đẳng; khu vực thành thị có trình độ cao hơn thể hiện qua tỷ lệ người lao động có trình độ cấp 1 chỉ bằng một nửa so với khu vực nông thôn (37,50%) và tỷ lệ người lao động ở các bậc học cao hơn có tỷ lệ người lao động chiếm nhiều hơn so với khu vực nông thôn.

Lợi nhuận/tích lũy của hộ (X₄):

– *Lao động tham gia đào tạo nghề:* Có giá trị âm, tác động nghịch đối với việc tham gia học nghề của người lao động. Khi thu nhập dư ra trong gia đình càng cao, phần nào phản ánh được hiệu quả trong thu nhập của hộ gia đình thì khả năng tham gia đào tạo nghề càng ít đi. Điều này là hợp lý ở chỗ bản thân người lao động trong trường hợp này không muốn chuyển đổi nghề cũng như có những thay đổi trong thu nhập.

– *Lao động không tham gia đào tạo nghề:* Có giá trị âm, tác động khi có nguồn thu nhập thấp thì khả năng người lao động nông thôn muốn tham gia đào tạo nghề để có nhiều cơ hội tìm việc làm tăng thu nhập cho hộ gia đình người lao động.

Phần lớn người lao động nông thôn làm việc tại nhà (46,46%), kể đến là làm việc tại phường/xã nơi họ đang sinh sống (24,79%), rất ít người làm việc ở quận/huyện khác hoặc tỉnh khác. Có một sự chênh lệch nhỏ về nơi làm việc so với khu vực thành thị, nhưng nó phần nào phản ánh được đặc trưng của khu vực nông thôn, khả năng tách khỏi địa phương mình sinh sống thấp hơn so với khu vực thành thị. Đây là yếu tố cần được lưu ý khi đề ra các giải

pháp về việc làm cho lao động nông thôn. Có 45,20% lao động nông thôn có thu nhập từ 1 đến 3 triệu đồng/tháng, kể đến là 16,04% có thu nhập dưới 1 triệu đồng/tháng, tỷ lệ này tương đương với mức thu nhập từ 3 đến 5 triệu đồng/tháng, rất ít người có thu nhập trên 5 triệu đồng/tháng.

Khả năng đáp ứng nghề phi nông nghiệp của người lao động (X₅):

– *Lao động tham gia đào tạo nghề:* Có giá trị dương, tác động thuận đối với việc tham gia học nghề tại địa phương, các biến này cho thấy người lao động có xu hướng càng gần với các hoạt động sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thì khả năng học nghề càng cao. Tương ứng với trình độ của người lao động thì mức độ đáp ứng với nhu cầu công việc càng lớn, càng có nhiều khả năng tìm được việc làm. Theo nhận định của người lao động thu nhập từ phi nông nghiệp mang lại thu nhập cao, cải thiện đời sống.

– *Lao động không tham gia đào tạo nghề:* Có giá trị dương, yếu tố chủ quan về trình độ nghề phi nông nghiệp của người lao động đã đảm bảo khả năng đáp ứng nghề phi nông nghiệp, có thể tạo thu nhập ổn định cho hộ.

3.7 Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

– Việc đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần có giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, hỗ trợ mạng lưới cơ sở đào tạo và thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa Nhà nước- Cơ sở dạy nghề - Doanh nghiệp, hỗ trợ cho lao động học nghề.

– Thực hiện công tác tuyên truyền để người lao động nắm rõ các thông tin cần thiết khi tham gia đào tạo nghề về cơ sở đào tạo nghề, các chính sách hỗ trợ, tìm được việc làm sau khi đào tạo nghề và có mức thu nhập ổn định.

– Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề công lập và ngoài công lập, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, giáo trình, chương trình và giảng viên đào tạo phải phù hợp với từng đối tượng lao động tham gia đào tạo nghề.

– Kết nối giữa các doanh nghiệp và thành phần xã hội tham gia đào tạo nghề cho người lao động nhằm giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo, tiến tới hợp đồng đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

– Chính quyền địa phương chủ động trong việc quy hoạch định hướng phát triển kinh tế - xã hội; trên cơ sở đó, ưu tiên phát triển các ngành nghề, xây dựng các mô hình dạy nghề đạt hiệu quả để người lao động định hướng được nhu cầu đào tạo và tìm việc làm cho người lao động sau đào tạo.

– Thông qua các tổ chức tín dụng, đoàn thể giúp cho người lao động được vay vốn tham gia đào tạo nghề nhằm sản xuất, kinh doanh từ các nghề đã được học và tạo thu nhập ổn định.

– Đối với người lao động: Nắm bắt thông tin kịp thời về việc làm, bản thân phải tự rèn luyện và khả năng thích nghi với nơi làm việc. Tìm hiểu các buổi giới thiệu việc làm, các chương trình tư vấn lao động do các cơ quan của địa phương triển khai tổ chức. Cập nhật các thông tin chính xác về điều kiện việc làm, chỗ ăn, ở, tham gia các khóa đào tạo nghề ở địa phương nhằm hạn chế những khó khăn trong quá trình làm việc.

– Đối với hộ gia đình: Gia đình cần thông tin cho các thành viên trong hộ gia đình về công tác đào tạo nghề và việc làm cho người lao động có nhu cầu. Các bậc cha mẹ thường xuyên tham gia các buổi tư vấn hướng nghiệp nghề để cùng con em định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

4 KẾT LUẬN

Việc giải quyết việc làm cũng như thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố thời gian qua đã có bước chuyển đổi tích cực về nhu cầu tìm việc làm và nhu cầu đào tạo của người lao động, nhằm thích ứng với tình hình phát triển của thành phố. Trong 10 năm qua (2004-2013), đã giải quyết việc làm cho hơn 433.000 lao động; nâng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề vào năm 2014 là 50,07% (năm 2004 là 20,5%).

Lao động của thành phố Cần Thơ phần lớn là lao động trẻ (từ 15-29 tuổi) phần lớn làm việc trong lĩnh vực công nghiệp nhưng chưa đáp ứng chất lượng cho thị trường lao động, những lao động từ

40 tuổi trở lên phần lớn làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đã có những kết quả tích cực trong việc dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, sử dụng lao động sau đào tạo nghề, nâng cao mức sống của người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn. Về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia đào tạo nghề ở nông thôn của 480 người lao động ở khu vực nông thôn: (1) Trình độ học vấn có giá trị âm, tác động nghịch đối với việc tham gia học nghề của người lao động; (2) Lợi nhuận/tích lũy của hộ với người lao động không tham gia đào tạo nghề tác động khi có nguồn thu nhập thấp thì khả năng người lao động nông thôn muốn tham gia đào tạo nghề để có nhiều cơ hội tìm việc làm tăng thu nhập cho hộ gia đình người lao động; (3) Khả năng đáp ứng nghề phi nông nghiệp của người lao động có giá trị dương, tác động thuận đối với việc tham gia học nghề tại địa phương, các biến này cho thấy người lao động có xu hướng càng gần với các hoạt động sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thì khả năng học nghề càng cao.

Thị trường lao động thành phố Cần Thơ trong thời gian tới biến động theo hướng chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, dịch vụ trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2011. Tập bài giảng lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn chọn nghề, tìm và tự tạo việc làm cho lao động nông thôn.
- Cục Thống kê thành phố Cần Thơ. 2013. Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ.
- Mạc Tiến Anh, 2010. Nghiên cứu một số mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tổng cục dạy nghề năm 2010.
- Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội thành phố Cần Thơ. 2013. Báo cáo Tổng kết năm 2013.
- Thành Ủy Cần Thơ. 2010. Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ TPCT lần thứ XII nhiệm kỳ 2011 – 2015.
- Thủ tướng Chính phủ. 2009. Đề án 1956/QĐ - TTg của thủ tướng chính phủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.
- Thủ tướng Chính phủ. 2011. Quyết định 1216/QĐ-TTg và chỉ thị số 18/CT-TTg của thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt và triển khai quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

- Viện Kinh tế - Xã hội thành phố Cần Thơ.
2013. Báo cáo kinh tế - xã hội thành phố
Cần Thơ.
- Vũ Hữu Ngoạn và Ngô Văn Dụ. 2011. Tìm
hiểu một số khái niệm trong văn kiện Đại
hội IX của Đảng. Nxb. Chính trị Quốc gia.
Hà Nội, 2001, tr.165-166.
- Viện Nghiên cứu Khoa học Day nghề.
2010. Định hướng đào tạo nghề cho lực
lượng lao động trong các làng nghề truyền
thống. Nxb. Lao động - Xã hội.

- Võ Xuân Tiến, Đại học Đà Nẵng, Tạp chí Khoa
học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng - Số
5(40).2010.[http://www.kh-
sdh.udn.vn/zipfiles/so40quyen2/30-
voxuantien.pdf](http://www.kh-sdh.udn.vn/zipfiles/so40quyen2/30-voxuantien.pdf).
- Võ Thanh Dũng. 2010. Chuyển dịch cơ cấu lao
động nông thôn và tác động của sự dịch
chuyển này đến nông hộ tại thành phố Cần
Thơ. Nxb. Trường Đại học Cần Thơ, tr.18-4.